

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **49/2021/HNGĐ-ST**
Ngày 30/12/2021.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con;

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Cúc;
Ông Lê Văn Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỳ Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 184/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số: 212/2021/TBXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1997; (có mặt)
Địa chỉ: Số nhà 483, tổ 18, ấp 2, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1988; (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 8, ấp 3, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NỘI D VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu D trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông Đỗ Văn T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 193, quyển số 01/2015, ngày 24/11/2015. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tình tình, bất đồng quan điểm sống, ông T không chăm lo làm ăn, bỏ bê không quan tâm, chăm sóc cho gia đình, hay kiếm chuyện cãi vã lẫn nhau. Bà D đã cho ông T nhiều cơ hội để sửa

sai, hàn gắn tình cảm nhưng ông T không thay đổi. Ông T còn sử dụng trái phép chất ma túy, bà đã nhiều lần báo Công an xã V can thiệp nhưng không giải quyết được. Từ cuối năm 2019 cho đến nay vợ chồng đã không còn sống chung với nhau. Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đỗ Văn T.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Đỗ Kim N, sinh ngày 03/3/2017 và Đỗ Duy N1, sinh ngày 13/12/2018. Từ khi bà và ông T sống ly thân thì cháu N và N1 đều do bà nuôi dưỡng, ông T cũng không phụ tiền để nuôi dưỡng các con. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng cho con. Hiện nay bà đang sống cùng với gia đình mẹ ruột tại ấp 2, xã V và làm công nhân Công ty TNHH NamYang Sông Mây, lương tháng 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D khai không có.

* *Bị đơn ông Đỗ Văn T*: Trong quá trình tham gia tố tụng đã được Tòa án tiến hành triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để làm việc và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng ông T vắng mặt không có lý do nên không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố (nếu có).

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý đến khi xét xử là đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn ông Đỗ Văn T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu D, cho bà D được ly hôn với ông Đỗ Văn T; giao 02 con chung cho bà D nuôi dưỡng, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng cho con do bà D không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung do bà D khai không có, còn ông T vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với ông Đỗ Văn T, nơi cư trú tại nhà không số, tổ 8, ấp 3, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn ông Đỗ Văn T không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia quá trình giải quyết vụ án nhưng ông T vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng, Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng ông T vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội D tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Thu D và ông Đỗ Văn T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 193, quyển số 01/2015, ngày 24/11/2015; căn cứ vào các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa bà D và ông T được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà D là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, thực hiện các công việc trong gia đình; tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng bà D, ông T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn hợp nhau về tính tình, ông T không lo làm ăn, sống không có trách nhiệm với gia đình và còn sử dụng ma túy về gây gỗ, xúc phạm vợ con. Từ cuối năm 2019 cho đến nay hai người đã sống ly thân, trong thời gian này bà D và ông T cũng không có sự quan tâm lẫn nhau, dẫn đến không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải để các đương sự hàn gắn, nhưng ông T không hợp tác, chứng tỏ ông T bỏ mặc quan hệ hôn nhân giữa hai bên, còn bà D vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, kết quả xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà D, ông T có nhiều mâu thuẫn, ông T nghiện ma túy và vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, bà D đã về nhà mẹ ruột sinh sống từ cuối năm 2019 cho đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân giữa bà D và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giữa bà D và ông T có 02 con chung là Đỗ Kim N, sinh ngày 03/3/2017 và Đỗ Duy N1, sinh ngày 13/12/2018. Khi ly hôn, bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng cho con. Các cháu N và N1 hiện nay đang ở với bà D từ khi vợ chồng sống ly thân. Do vậy căn cứ theo qui định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình, giao hai con cho bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con do bà D không yêu cầu, nên tạm thời ông T không phải cấp dưỡng; vì không trực tiếp nuôi con nên ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D khai không có, còn ông T vắng mặt không có ý kiến trình bày, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Thu D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu D về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu D được ly hôn với ông Đỗ Văn T.

- Về con chung: Giao các cháu Đỗ Kim N, sinh ngày 03/3/2017 và Đỗ Duy N1, sinh ngày 13/12/2018 cho bà Nguyễn Thị Thu D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; tạm thời ông Đỗ Văn T không phải cấp dưỡng cho con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà D khai không có, còn ông T vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006213 ngày 05/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (Giấy CNKH số 193, ngày 24/11/2015);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đường Anh Sơn